TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **80**/2022/HS-ST
Ngày 13 – 12 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Điểu Kim Rương
2. Bà Đặng Thị Kim Tuyến

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Huyền Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Văn Sáu- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 75/2022/HSST ngày 16/11/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST-HS ngày 29/11/2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn S, sinh năm 1997; Tên gọi khác: Tý; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: ấp Lò Rèn, xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: Tổ 9, Khu phố 10, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông: Phạm Văn N, sinh năm 1968 và bà Mai Tuyết H, sinh năm 1970; Bị cáo là con một trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: 01

Ngày 07/11/2019, Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 08/11/2020 tại Trại giam T. Tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội (ngày 12/8/2022) bị cáo chưa được xóa án tích theo quy định.

Tiền sự: Không

Về nhân thân:

Ngày 03/4/2013, Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương quyết định đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi trộm cắp tài sản.

Ngày 08/01/2015, Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương xử phạt 06

tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 06 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội là 12 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong bản án nên được xóa án tích theo quy định.

Ngày 03/02/2016, Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương quyết định áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng. Bị cáo đã chấp hành xong quyết định.

Ngày 12/8/2022, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Đến ngày 12/9/2022 bị cáo bị khởi tố và bắt tạm giam cho đến nay.

2. Lê Bá L, sinh năm 2001; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Tổ 01, ấp X, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Con ông Lê Bá T, sinh năm 1975 và bà Thị S, sinh năm 1980; Bị cáo có 03 anh em, lớn nhất là bị cáo, N nhất sinh năm 2017; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không

Ngày 12/8/2022, bị cáo cùng đồng bọn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Đến ngày 12/9/2022 bị cáo bị khởi tố và bắt tạm giam cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại*: Anh Điểu N, sinh năm 1985
Địa chỉ: Tổ 2, ấp S, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước. (có mặt)
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Thị S, sinh năm 1980
Địa chỉ: Tổ 01, ấp X, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phạm Văn S là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, từng có tiền án về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Khoảng tháng 8/2021 S quen biết và sống chung như vợ chồng với Thị L, sinh năm 1998, tại tổ 2, ấp S, xã T, huyện H. Do cần tiền để tiêu xài cá nhân và biết gia đình anh Điểu N (anh rể của Thị L) thường xuyên vắng nhà nên S nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình anh Điểu N.

Vào ngày 12/8/2022, Lê Bá L (bạn của S) đến nhà Thị L gặp S. Tại đây, S rủ L đến nhà của gia đình anh Điểu N để trộm cắp tài sản thì L đồng ý. Khoảng 12 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô kiểu dáng Dream, biển số 39T1- 4777 chở S đến nhà anh Điểu N, thuộc tổ 2, ấp S, xã P, huyện H. Lúc này vợ chồng anh Điểu N không ở nhà, chỉ có Điểu Quốc T, sinh năm 2010 (con của anh N) đang chơi ở phía trước nhà. S nói L dừng xe mô tô ở phía trước sân đợi và cảnh giới, còn S vào trong nhà gặp T và nói: "Cho dượng mượn cây cuốc". Nghe S nói vậy, T đồng ý và sang bên hông nhà lấy cây cuốc đưa cho S cầm. Sau đó, S tiếp tục đưa cho T 100.000 đồng nhờ T đi ra tiệm tạp hóa cách nhà khoảng 300m để mua thuốc lá, mục đích là để T đi ra ngoài cho S lén lút vào trong nhà lục tìm tài sản. Khi T cầm tiền đi mua thuốc lá, L đứng ở sân phía trước nhà để cảnh giới cho S, còn một mình S đi vào phòng ngủ để lục tìm tài sản. S lục trong tủ quần áo thấy 01 hộp

hình chữ nhật và 01 hộp hình tròn, bên trong hộp có 02 (hai) chiếc vòng đeo tay, 02 (hai) chiếc lắc đeo tay, loại mắt xích, 01 (một) chiếc nhẫn đeo tay, 02 (hai) sợi dây chuyền, loại mắt xích, trong đó 01 (một) sợi có mặt hình trái tim. S cầm hết số vàng cất vào trong túi quần phía trước rồi nhanh chóng đi ra chỗ L đợi. S nói với L: "Lấy được vàng rồi" sau đó cả hai cùng tẩu thoát. Khi L chở S vừa ra khỏi nhà anh Điểu N thì gặp T đi mua thuốc lá về nên S lấy gói thuốc lá và 75.000 đồng tiền thừa rồi L tiếp tục chở S đi đến khu vực thị xã B, tỉnh Bình Dương vào 03 tiệm vàng khác nhau, bán hết số vàng chiếm đoạt tại nhà anh N được số tiền 31.000.000 đồng (ba mươi mốt triệu đồng). Sau khi bán được vàng, L và S đi đến thành phố Th, tỉnh Bình Dương ăn uống và mua đồ dùng cá nhân, S tiêu xài hết số tiền 8.000.000 đồng, L tiêu xài hết số tiền 6.000.000 đồng. Ngày 13/8/2022 S tiếp tục đưa cho L số tiền 5.000.000 đồng; số tiền còn lại S giữ và tiêu xài hết.

Tại Cơ quan CSĐT, Phạm Văn S và Lê Bá L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 09/9/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H đã có bản Kết luận định giá tài sản số: 41/KL-HĐĐGTTTHS kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền dạng xích có mặt hình trái tim, loại vàng 18K, trọng lượng 01 chỉ; 01 (một) nhẫn trơn, loại vàng 18K, trọng lượng 0,4 chỉ; 02 (hai) lắc tay dạng xích, loại vàng 9999, trọng lượng 2 chỉ; 01 (một) lắc tay dạng xích, loại vàng 18K, trọng lượng 3,5 chỉ; 01 (một) sợi dây chuyền dạng xích, loại vàng 18K, trọng lượng 1,71 chỉ; 01 (một) lắc tay dạng xích, loại vàng 18K, trọng lượng 0,79 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 35.008.000 đồng (Ba mươi lăm triệu không trăm lẻ tám nghìn đồng).

- Về việc thu giữ và xử lý vật chứng của vụ án: Vật chứng của vụ án là 02 (hai) chiếc vòng đeo tay, 02 (hai) chiếc lắc đeo tay, loại mắt xích, 01 (một) chiếc nhẫn đeo tay, 02 (hai) sợi dây chuyền, loại mắt xích, trị giá 35.008.000 đồng, các bị cáo đã bán cho 03 tiệm vàng khác nhau không thu hồi được.

- Về vấn đề dân sự: Anh Điểu N yêu cầu bị cáo S và L có trách nhiệm trả lại giá trị toàn bộ số vàng theo kết luận định giá tài sản là 35.008.000 đồng. Gia đình bị cáo L đã bồi thường số tiền 13.000.000 đồng cho anh Điểu N. Số tiền còn lại anh Điểu N yêu cầu bị cáo S có trách nhiệm bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 79/CT-VKS ngày 15 tháng 11 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu về vấn đề trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự: Yêu cầu bị cáo S và L có trách nhiệm trả lại giá trị toàn bộ số vàng theo kết luận định giá tài sản là 35.008.000 đồng. Gia đình bị cáo L đã bồi thường số tiền 13.000.000 đồng cho anh Điểu N. Số tiền còn lại anh Điểu N yêu cầu bị cáo S có trách nhiệm bồi thường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo S từ 20 – 24 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo L từ 09 – 12 tháng tù.

Về việc thu giữ và xử lý vật chứng của vụ án: Vật chứng của vụ án không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo S phải bồi thường cho bị hại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên vào ngày 12/8/2022 tại tổ 2, ấp S, xã P, huyện H, Phạm Văn S đã rủ Lê Bá L đi đến nhà của anh Điểu N để trộm cắp tài sản thì L đồng ý. S đã chiếm đoạt của gia đình anh Điểu N 02 (hai) chiếc vòng đeo tay, 02 (hai) chiếc lắc đeo tay, loại mắt xích, 01 (một) chiếc nhẫn đeo tay, 02 (hai) sợi dây chuyền, loại mắt xích, trị giá 35.008.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được vàng, S và L đã bán số vàng trên được 31.000.000 đồng và cùng nhau tiêu xài cá nhân hết.

[3] Xét lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, Kết luận định giá tài sản và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa nên đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất an ninh trật tự tại địa phương, các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ lén lút chiếm đoạt tài sản là vàng trong nhà của bị hại là anh Điểu N là hành vi bị pháp luật cấm nhưng chỉ vì cần tiền tiêu xài cá nhân nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp nên phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi mình gây ra. Do đó, cần xử lý các bị

cáo mức án nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm hình sự:

Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn nhưng cũng cần phân tích vai trò của từng bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo để cá thể hoá hình phạt.

Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có sự bàn bạc với nhau trong đó bị cáo Phạm Văn S là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Lê Bá L vào nhà anh Điểu N để trộm cắp tài sản nên bị cáo S phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo L.

[5.1] Đối với bị cáo Phạm Văn S: Bị cáo S có 01 tiền án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo bản án ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo còn là người có nhân thân rất xấu, từng nhiều lần bị tuyên án về các tội Trộm cắp tài sản; Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà bị cáo tiếp tục phạm tội Trộm cắp tài sản, thể hiện bị cáo là người xem thường pháp luật, khó giáo dục nên cần áp dụng mức án nghiêm khắc đối với bị cáo mới đủ giáo dục bị cáo để thành người có ích cho xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội. Tuy nhiên, quá trình điều tra truy tố và xét xử thể hiện bị cáo thành khẩn khai báo, hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5.2] Đối với bị cáo Lê Bá L: Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, gia đình của bị cáo đã khắc phục bồi thường hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo L, quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Thị S là mẹ của bị cáo đã tự nguyện thay bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại và không có yêu cầu gì đối với bị cáo, cũng không có ý kiến gì thêm. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ và giao bị cáo cho địa phương quản lý, giáo dục bị cáo để bị cáo rèn luyện, tu dưỡng bản thân để trở thành người có ích cho xã hội và cũng đảm bảo mục đích phòng ngừa chung. Từ những căn cứ trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là nghiêm khắc, không tương xứng với hành vi phạm

tội của bị cáo nên không được chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 596, 689 của Bộ luật dân sự năm 2015: Bị hại yêu cầu bị cáo S và bị cáo L có trách nhiệm trả lại giá trị toàn bộ số vàng theo kết luận định giá tài sản là 35.008.000 đồng. Gia đình bị cáo L đã bồi thường số tiền 13.000.000 đồng cho anh Điểu N. Số tiền còn lại anh Điểu N yêu cầu bị cáo S có trách nhiệm bồi thường. Xét thấy, tài sản không thể thu hồi nên việc bị hại yêu cầu các bị cáo phải trả lại toàn bộ giá trị số vàng bị chiếm đoạt theo Kết luận định giá tài sản là có căn cứ chấp nhận. Do gia đình bị cáo L đã trả lại cho bị hại số tiền tương ứng với số tiền bị cáo L được hưởng từ việc bán số vàng nên yêu cầu bị cáo S phải bồi thường số tiền còn lại cho bị hại là 22.008.000 đồng là phù hợp.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ một phần, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn S, Lê Bá L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Bá L 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 279 ngày do bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/12/2022 (93 ngày). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 (một) năm 02 (hai) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện H, tỉnh Bình Phước nhận

được quyết định thi hành án cải tạo không giam giữ và bản sao bản án của bị cáo Lê Bá L. Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo do bị cáo không có công việc, không có thu nhập ổn định.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện H, tỉnh Bình Phước nơi bị cáo cư trú để quản lý giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện H, tỉnh Bình Phước trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 3 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tuyên trả tự do cho bị cáo Lê Bá L tại phiên toà.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Phạm Văn S phải trả lại phần giá trị tài sản cho bị hại anh Điểu N tương ứng với số tiền 22.008.000 (hai mươi hại triệu, không trăm linh tám nghìn) đồng.

4.Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng các điều 23 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Văn S phải chịu 1.100.400 (Một triệu, một trăm nghìn, bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy đinh tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Đình Học

- Phòng HSNC CA tỉnh Bình Phước;
- Công an huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo; Bị hại;
- UBND xã Ph;
- Lưu: TA, HSVA.